

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số 17/2017/HNGĐ - PT

Ngày 25/5/2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

- Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Dung

Ông Lê Đình Thanh

- Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Bà Đinh Thị Mai Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/TLPT-HNGĐ ngày 24/3/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2016/HNGĐ - ST ngày 17/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2017, giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn V - Sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 07/58 Đinh Liệt, phường D, thành phố C, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị H - Sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 07/58 Đinh Liệt, phường D, thành phố C, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Công Hiếu - Luật sư, Công ty Luật TNHH Trường Sa, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Ng- ời kháng cáo: Bị đơn chị Bùi Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh Lê Văn V trình bày:*

Anh và chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B năm 1995 (do bị thất lạc nên ngày 31/12/2009 anh đã xin cấp lại). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tích cách hai người không hoà hợp, hiện nay anh đã thuê nhà ở riêng, anh và chị H sống ly thân. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án thành phố Thanh Hoá cho anh được ly hôn với chị H

- Về con chung: anh và chị H có 02 con chung, cháu Lê Phương Th1, sinh ngày 02/9/1996 (đã thành niên) và cháu Lê Xuân Th2, sinh ngày 24/4/2009. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Th2, nhưng cháu Th2 có nguyện vọng ở với mẹ nên anh V đồng ý giao cháu Th2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ.

- Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Chị Bùi Thị H trình bày:*

Chị và anh Lê Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B năm 1995. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị H cũng đã cố gắng hàn gắn, nhưng anh V cương quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn

- Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung, cháu Lê Phương Th1, sinh ngày 02/9/1996 (đã thành niên) và cháu Lê Xuân Th2, sinh ngày 24/4/2009. Ly hôn chị trực tiếp nuôi cháu Th2, anh V cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000đ/tháng cho đến khi cháu thành niên

- Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản án số 14/2017/HNGĐ - ST ngày 17/2/2017 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn V được ly hôn chị Bùi Thị H.

- Về con chung: Anh V và chị H có 02 con chung, cháu Lê Phương Th1, sinh ngày 02/9/1996 (đã thành niên) và cháu Lê Xuân Th2, sinh ngày 24/4/2009.

Giao cháu Lê Xuân Th2, sinh ngày 24/4/2009 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 2/2017 cho đến khi cháu Th2 thành niên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 27/2/2017 bị đơn chị Bùi Thị H kháng cáo, với nội dung: Toà án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

- Toà án cấp sơ thẩm không đưa cháu Lê Phương Th1 và cháu Lê Xuân Th2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Không có sự tham gia của Viện kiểm sát.

Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Toà án thành phố Thanh Hoá giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Ngày 23/5/2017 chị H cung cấp cho Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B về việc: Huỷ giấy chứng nhận kết hôn (Đăng ký lại) số 56, quyền số 01/2009 do UBND xã A cấp ngày 31/12/2009 cho ông Lê Văn V và bà Bùi Thị H.

Anh Lê Văn V cung cấp cho Toà án đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã A, huyện B xác nhận ngày 22/5/2017.

Tại phiên toà chị H đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét đăng ký lại kết hôn mà anh V cung cấp cho Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá là sai quy định.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị H:

- Về thu thập đánh giá chứng cứ:

Giấy chứng nhận kết hôn năm 2009 được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã A, huyện B cấp lại cho anh V là không đúng quy định, Chủ tịch UBND huyện B đã thu hồi và huỷ bỏ, vì vậy giấy chứng nhận kết hôn này không phải là chứng cứ trong việc giải quyết vụ án. Việc Toà án cấp sơ thẩm đánh giá không đúng về chứng cứ dẫn đến việc giải quyết vụ án có nhiều thiếu sót nghiêm trọng.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì “Đối với vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên...phải thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp”, nhưng Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ được nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn giữa anh V và chị H. Toà án sơ thẩm nhận định anh V cương quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Về giấy khai sinh mà anh V xuất trình cháu Th2 sinh ngày 29/4/2009, nhưng anh V và chị H đều khẳng định cháu Th2 sinh ngày 24/4/2009, như vậy có sự mâu thuẫn trong thông tin hộ tịch, Toà án cấp sơ thẩm không yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ và không tiến hành thu thập chứng cứ là thiếu sót nghiêm trọng.

- Về bỏ sót người tham gia tố tụng: Cháu Thảo và cháu Th2 là con chung của chị H và anh V là những người đang sống phụ thuộc vào anh chị, cháu Thảo tuy đã thành niên nhưng hiện nay đang đi học đại học, vẫn cần chu cấp tiền ăn học. Cháu Th2 hiện nay học lớp 2, nhưng Toà án cấp sơ thẩm không đưa cháu Thảo và cháu Th2 tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

- Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên toà: theo Khoản 2 Điều 21 BLTTDS, và theo khoản 4 Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT ngày 31/8/2016 thì Viện kiểm sát tham gia phiên toà trong vụ án dân sự có đương sự là người chưa thành niên. Việc thiếu vắng sự tham gia của

Viện kiểm sát trong phiên toà sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật TTDS. Cháu Th2 chưa thành niên, anh V và chị H có quyền và nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm lo việc học tập, giáo dục để phát triển theo quy định tại các Điều 68, 69, 71, 72, 73, 74, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cháu Thảo đã thành niên, theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu được hưởng quyền về tài sản tương xứng với công sức đóng góp vào tài sản của gia đình, trong vụ án này về phần tài sản cả anh V và chị H đều không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy cháu Thảo và cháu Th2 không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân thành phố C không tiến hành thu thập chứng cứ nên không thuộc trường hợp phải có sự tham gia của Đại diện Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chị H và Luật sư đề nghị thu thập tài liệu là Giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh của cháu Lê Xuân Th2. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm anh V và chị H đều thừa nhận anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, và cháu Th2 sinh ngày 24/4/2009, vì vậy chị H đề nghị thu thập các tài liệu trên là không cần thiết. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đ-ọc thẩm tra tại phiên toà, tranh luận của các đương sự, quan điểm của Luật sư, và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Chị Bùi Thị H và anh Lê Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện B, tỉnh Thanh Hoá năm 1995 là hôn nhân hợp pháp. Mặc dù ngày 18/5/2017 Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 964/QĐ-UBND, về việc: Huỷ giấy chứng nhận kết hôn (Đăng ký lại) số 56, quyền số 01/2009 do UBND xã A cấp ngày 31/12/2009 cho ông Lê Văn V và bà Bùi Thị H, vì cấp sai quy định tại Điều 48 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cả chị H, anh V đều thừa nhận có đăng ký kết hôn tại UBND xã A năm 1995, và UBND xã A cũng xác nhận có việc chị H và anh V đăng ký kết hôn tại UBND tháng 12/1995. Tại phiên toà hôm nay chị H cũng thừa nhận giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa chị và anh V do UBND xã A cấp năm 1995 chị đang giữ, nhưng chị không yêu cầu ly hôn nên chị không xuất

trình. Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H cho rằng Toà án cấp sơ thẩm đánh giá không đúng về tính hợp pháp của giấy chứng nhận kết hôn mà UBND xã A cấp lại cho anh V năm 2009 dẫn đến việc giải quyết vụ án có nhiều thiếu sót nghiêm trọng là không có căn cứ như đã phân tích trên.

[2] Trong quá trình chung sống được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm, cách sống khác nhau. Hiện nay anh V đã thuê nhà ở riêng, anh V và chị H sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh V đề nghị ly hôn. Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá đã quyết định cho anh V được ly hôn chị H là có căn cứ pháp luật. Vì trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm chị H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như anh V trình bày, nhưng chị cố gắng hàn gắn, nhưng không được, và cụ thể trong biên bản phiên toà, tại bút lục số 70 chị H trình bày: "...anh V cương quyết ly hôn tôi cũng đồng ý". Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, những tình tiết mà các đương sự thừa nhận thì không phải chứng minh và được coi là chứng cứ, vì vậy Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng Toà án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ để làm rõ mâu thuẫn phát sinh trong đời sống vợ chồng giữa anh V và chị H là không có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung, cháu Lê Phương Th1, sinh ngày 02/9/1996 (đã thành niên) và cháu Lê Xuân Th2, sinh ngày 24/4/2009. Chị H trực tiếp nuôi cháu Th2, anh V cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu thành niên.

- Đối với kháng cáo không đưa cháu Lê Phương Th1 và cháu Lê Xuân Th2 vào tham gia tố tụng:

[3] Toà án cấp sơ thẩm không đưa cháu Lê Phương Th1 và cháu Lê Xuân Th2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật, vì: Theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự: "Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ...". Trong vụ án này anh V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị H, khi giải quyết vụ án do cháu Th2 chưa thành niên nên Toà án giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, đây là nghĩa vụ đồng thời là quyền của cha mẹ khi ly hôn. Đối với cháu Lê Phương Th1 là người đã thành niên và có khả năng lao động, và không mất năng lực hành vi, nên cha mẹ không có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, hơn nữa hai cháu đều không có tài sản riêng liên quan đến việc phải giải quyết trong vụ án ly hôn mà anh V khởi kiện (anh V và chị H đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản). Vì vậy Chị H kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm không đưa hai cháu Thảo, và Thái vào tham gia tố tụng là không có căn cứ pháp luật.

- Về kháng cáo không đưa Đại diện Viện kiểm sát vào là người tiến hành tố tụng:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự: “Viện kiểm sát tham gia phiên toà sơ thẩm đối với những vụ án do Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, hoặc đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc có đương sự là người chưa thành niên...” . Trong vụ án này, Toà án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập chứng cứ, do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá không tham gia phiên toà sơ thẩm là đúng luật.

Kháng cáo của chị Bùi Thị H không có căn cứ nên không được chấp nhận.
Án phí phúc thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.
Điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị H, và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2017/HNGĐ-ST ngày 17/02/2017 của Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Thanh Hoá.

- Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn V ly hôn chị Bùi Thị H

- Về con chung: Anh V và chị H có hai con chung, cháu Lê Phương Th1 sinh ngày 02/9/1996 (đã thành niên) và cháu Lê Xuân Th2 sinh ngày 24/4/2009. Giao cháu Lê Xuân Th2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2017 đến khi cháu Th2 đủ 18 tuổi. Anh V có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- Án phí sơ thẩm: Anh Lê Văn V phải chịu 200.000đ án phí hôn nhân gia đình và 200.000đ án phí cấp dưỡng, được trừ số tiền tạm ứng án phí 200.000đ anh V đã nộp theo biên lai số AA/2016/272 ngày 27/10/2016 của Chi cục Thi hành án thành phố Thanh Hoá. Anh V còn phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn)

- Án phí phúc thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2015/7086 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án thành phố C (Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn phúc thẩm).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án ND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Toà án Tp C;
- Dương sự;
- UBND xã A;
- Chi cục THADS Tp C;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thanh Hùng